

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ML
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16-02-2021.
V/v: Ly hôn giữa chị T và anh
C.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1 – Ông Quàng Văn Mãng.
- 2 – Ông Nguyễn Đức Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quàng Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 16/02/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2021/TLST-HNGĐ ngày 23/11/2021 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị LTT, sinh 1989, trú tại: Bản C, xã MB, huyện ML, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh LVC, sinh 1989, trú tại: Bản C, xã MB, huyện ML, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện ML, tỉnh Sơn La.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông NTT – Giám đốc là người đại diện theo pháp luật. Có đề nghị xử vắng mặt.

Chi hội người cao tuổi Bản C, xã MB, huyện ML, tỉnh Sơn La.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông CVB – Chi hội trưởng là người đại diện theo pháp luật. Có đề nghị xử vắng mặt.

Chị LTH, địa chỉ: Bản C, xã MB, huyện ML, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Anh QVT, địa chỉ: Bản C, xã MB, huyện ML, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

Ông LVX, địa chỉ: Bản C, xã MB, huyện ML, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

Chị LTN, địa chỉ: Bản Nậm Ún, xã Mường Chùm, huyện ML, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2021 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị LTT trình bày:

Chị và anh LVC kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 22/7/2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mường Chùm, huyện ML, tỉnh Sơn La. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh LVC hay uống rượu, bạo lực, cuộc sống luôn bất hòa. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không khắc phục được. Từ đó hai người sống không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị LTT xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh LVC.

Về con chung: Có hai con là LVM, sinh ngày 12/9/2006 và LTC, sinh ngày 15/7/2008. Cháu LVM hiện nay đang ở với bố, nên để cháu cho anh LVC nuôi. Chị có nguyện vọng nuôi cháu LTC và tùy vào nguyện vọng của con, không yêu cầu anh LVC cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Điều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Chị LTT trình bày con trâu do bố mẹ chị cho khi cưới, nhưng nay không còn nên rút không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung:

Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện ML, tỉnh Sơn La số tiền gốc 100.000.000, đồng đã trả được gốc 60.000.000, đồng tính đến 07/01/2022 còn nợ 40.000.000, đồng tiền gốc.

Nợ Chi hội người cao tuổi Bản C, xã MB, huyện ML 1.000.000, đồng.

Nợ chị LTH là em gái anh LVC số tiền 20.000.000, đồng.

Nợ anh QVT 15.000.000, đồng.

Nợ ông LVX 4.000.000, đồng.

Chị yêu cầu khoản nợ để cho anh LVC trả vì chị để lại toàn bộ tài sản cho anh.

Nợ LTN là em gái chị số tiền 3.500.000, đồng chị nhất trí là người trả.

Bị đơn anh LVC trình bày:

Anh xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị LTT và anh LVC. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị LTT. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình và chính quyền hòa giải nhưng không được, chị LTT bỏ về nhà bố mẹ từ tháng 8/2020 đến nay, không quan tâm đến nhau.

Về con chung: Có hai con là LVM, sinh ngày 12/9/2006, LTC, sinh ngày 15/7/2008. Mỗi người nuôi một con, anh nuôi con trai LVM và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng: Điều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con trâu do bố mẹ chị LTT cho khi cưới là con ghé, sau đó bố vợ đã đến lấy lại không còn.

Về nợ: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện ML, tỉnh Sơn La số tiền gốc 100.000.000, đồng đã trả được gốc 60.000.000, đồng tính đến 07/01/2022 còn nợ 40.000.000, đồng tiền gốc.

Nợ Chi hội người cao tuổi Bản C, xã MB, huyện ML 1.000.000, đồng.

Nợ chị LTH là em gái anh LVC số tiền 20.000.000, đồng.

Nợ anh QVT 15.000.000, đồng.

Nợ ông LVX 4.000.000, đồng.

Nợ LTN là em gái chị LTT số tiền 3.500.000, đồng.

Anh yêu cầu khoản nợ chia đôi.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện ML, tỉnh Sơn La trình bày: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 27-05103-2018/HĐTD ngày 18/12/2018; mã khách hàng 186 690 769 ngày 14/8/2018 Ngân hàng cho gia đình anh LVC vay số tiền gốc vay là 100.000.000, đồng đã trả được gốc 60.000.000, đồng tính đến 07/01/2022 còn nợ 40.000.000, đồng tiền gốc. Nay hai người ly hôn Ngân hàng yêu cầu anh LVC là người có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc là 40.000.000, đồng và lãi phát sinh.

Đại diện Chi hội người cao tuổi Bản C, xã MB, huyện ML ông Cà Văn Bính trình bày: Chi hội có cho gia đình anh LVC 1.000.000, đồng, nay Chi hội sẽ tự giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị LTH là em gái anh LVC và anh LVC, chị LTT đều xác nhận vay số tiền 20.000.000, đồng.

Anh QVT trình bày: Có cho có cho gia đình anh LVC 30.000.000, đồng đã trả được 15.000.000, đồng, nay còn nợ 15.000.000, đồng anh yêu cầu anh LVC phải trả nợ cho anh và không yêu cầu tính lãi.

Ông LVX trình bày: Có cho có cho gia đình anh LVC 4.000.000, đồng chưa trả được, nay còn nợ 4.000.000, đồng ông yêu cầu anh LVC phải trả nợ cho ông và không yêu cầu tính lãi.

Chị LTN trình bày: Có cho có cho gia đình anh LVC 3.500.000, đồng chưa trả được, nay còn nợ 3.500.000, đồng chị yêu cầu chị LTT phải trả số tiền 3.500.000, đồng và không yêu cầu tính lãi.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ Điều 37; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Có căn cứ để xử cho chị LTT được ly hôn anh LVC.

Con Chung: Giao cho anh LVC trực tiếp nuôi dưỡng cháu LVM, sinh ngày 12/9/2006; giao cho chị LTT trực tiếp nuôi dưỡng cháu LTC, sinh ngày 15/7/2008. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng: Điều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung:

Anh LVC có trách nhiệm trả nợ cho:

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện ML, tỉnh Sơn La khoản vay số tiền gốc là 40.000.000, đồng và lãi phát sinh.

Anh QVT 15.000.000, đồng.

Ông LVX 4.000.000, đồng.

Chị LTH 20.000.000, đồng.

Chị LTT có trách nhiệm trả nợ cho chị LTN số tiền 3.500.000, đồng.

Chi hội người cao tuổi Bản C, xã MB, huyện ML có cho gia đình anh LVC 1.000.000, đồng, nay Chi hội sẽ tự giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết cần chấp nhận.

Chị LTT chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh LVC sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã khai trình bày nguyện vọng, anh LVC đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng có xác nhận của Ủy ban nhân xã MB, huyện ML và đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt anh LVC.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị LTH sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã chồn tránh từ chối khai báo, đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng có xác nhận của Ủy ban nhân xã MB, huyện ML và đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt chị LTH.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện ML, anh QVT, chị LTN, ông LVX đều có đơn đề nghị xử vắng mặt, căn cứ theo quy định của Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị LTT và anh LVC có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do anh LVC bạo lực, hai người thường xuyên cãi chửi nhau. Hai người sống ly thân từ năm 2020 đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị LTT và anh LVC đã được gia đình và chính quyền khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị LTT yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị LTT được ly hôn anh LVC.

[3] Về con chung: Có hai con là LVM, sinh ngày 12/9/2006 hiện nay cháu đang ở với bố và cháu LTC, sinh ngày 15/7/2008, hiện nay đang ở với mẹ. Căn cứ vào nguyện vọng của cháu cần giao cháu LVM cho anh LVC trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục và giao cháu LTC cho chị LTT trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung, riêng: Điều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung:

Khoản nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện ML được xác định là khoản vay nợ về xây dựng gia đình. Hiện xác định chị LTT để lại toàn bộ tài sản cho anh LVC và chị yêu cầu anh LVC phải thanh toán trả nợ,

đồng thời đại diện Ngân hàng cũng có yêu cầu anh LVC là người có trách nhiệm trả nợ gốc là 40.000.000, đồng và lãi phát sinh là có căn cứ chấp nhận.

Khoản nợ anh QVT 15.000.000, đồng và ông LVX 4.000.000, đồng. Hai người đều yêu cầu anh LVC phải trả nợ và đều không tính lãi là có căn cứ chấp nhận.

Đối với khoản nợ của chị LTH được xác định chị là em gái anh LVC và có cho anh LVC vay khoản tiền gốc là 20.000.000, đồng. Khoản nợ này hai vợ chồng xác nhận chưa thanh toán trả, nên anh LVC phải có trách nhiệm trả nợ cho chị LTH.

Chị LTN là em gái của chị LTT yêu cầu chị LTT có trách nhiệm trả nợ cho chị số tiền 3.500.000, đồng và không tính lãi cần chấp nhận.

Theo quy định Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình số nợ được phân chia trách nhiệm trả nợ như sau: Anh LVC có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện ML, cho anh QVT, ông LVX, chị LTH.

Chị LTT có trách nhiệm trả nợ cho chị LTN.

[6] Đối với Chi hội người cao tuổi Bản C, xã MB, huyện ML có cho gia đình anh LVC 1.000.000, đồng, nay Chi hội có ý kiến sẽ tự giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với việc chị LTT trình bày con trâu do bố mẹ chị cho khi cưới, nhưng nay không còn nên rút không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cần chấp nhận và không giải quyết trong vụ án này.

Chị LTT chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 37; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị LTT được ly hôn anh LVC.

2. Giao cho anh LVC trực tiếp nuôi dưỡng cháu LVM, sinh ngày 12/9/2006; giao cho chị LTT trực tiếp nuôi dưỡng cháu LTC, sinh ngày 15/7/2008. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc

thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, riêng: Điều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung:

Anh LVC có trách nhiệm trả nợ cho:

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện ML, tỉnh Sơn La khoản vay gốc 40.000.000, đồng (bốn mươi triệu đồng) tính đến 07/01/2022 và lãi phát sinh, theo hợp đồng tín dụng số 27-05103-2018/HĐTD ngày 18/12/2018; mã khách hàng 186 690 769 ngày 14/8/2018;

Anh QVT 15.000.000, đồng (mười năm triệu đồng) và không tính lãi;

Ông LVX 4.000.000, đồng (bốn triệu đồng) và không tính lãi;

Chị LTH 20.000.000, đồng (hai mươi triệu đồng) và không tính lãi.

Chị LTT có trách nhiệm trả nợ cho:

Chị Lò Thị Nguyên 3.500.000, đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) và không tính lãi.

5. Về án phí: Chị LTT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000078 ngày 23/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh Sơn La.

Chị LTT được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 16/02/2022.

Anh LVC. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện ML, anh QVT, chị LTN, ông LVX, chị LTH được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- UBND xã Mường Chùm, huyện ML (để vào sổ hộ tịch);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Minh Tuấn